TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10-CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 122/2026/DS-ST Ngày 08 - 7 - 2026 V/v Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất .	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10-CẦN THƠ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhẫn

-Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sơn

Bà Tăng Thị Bạch Vân

-Thư ký Tòa án: Ông Nguyễn Duy Hiến, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10-Cần Thơ.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10-Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 03 và ngày 08/7/2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10-Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 150/2025/TLST-DS, ngày 21 tháng 5 năm 2025 về việc "*Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2026/QĐXXST-DS ngày 03/3/2026, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 07/2026/QĐST-DS ngày 08/4/2026 và Thông báo mở lại phiên tòa số 234/TB-TA ngày 17/6/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn Đoàn, sinh năm 1959. Địa chỉ: ấp 9A, xã Phong Hiệp, tỉnh Cà Mau). (có mặt)

- Bị đơn: Ông Lê Hoàng Em, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp 4, xã Đại Hải, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thị Tư, sinh năm 1971. (có mặt)

- Bà Lê Hoàng Diễm Trân, sinh năm 1999. (có mặt

- Ông Lê Hoàng Khởi Nguyên, sinh năm 2004. (có mặt).

- Bà Nguyễn Thị Nga, sinh năm 1965. (có mặt).

- Ông Lê Hoàng Minh, sinh năm 1971 (có mặt).

- Ông Lê Văn Kết, sinh năm 1965 (có mặt)

- Bà Lê Thị Là (vắng mặt).

Cùng Địa chỉ: ấp 4, xã Đại Hải, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 14/4/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Lê Văn Đoàn trình bày ý kiến:

Nguồn gốc đất trước đây là của cha mẹ ông. Vào năm 1995, khi ông Lê Văn Đoàn cư trú tại ấp 4, xã Ba Trinh, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp 4, xã Đại Hải, thành phố Cần Thơ), cha mẹ ông Đoàn có cho ông Đoàn 02 công đất vườn và đất nền nhà tại thửa đất số 507, tờ bản đồ số 01, loại đất 2L, đất toạ lạc tại: ấp 4, xã Ba Trinh, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp 4, xã Đại Hải, thành phố Cần Thơ). Sau đó, ông Đoàn có chuyển nhượng cho ông Lê Hùng Minh một phần đất có diện tích 1,331,7m^2, còn lại 1,188,3m^2 của thửa đất số 507, tờ bản đồ số 01 thuộc quyền sử dụng của ông Đoàn. Đến năm 1996, ông Đoàn lấy vợ và chuyển về tỉnh Bạc Liêu sinh sống, sau đó ông Lê Hoàng Em có ở nhờ trên đất của ông Đoàn cho đến nay và ông Lê Hoàng Em chiếm luôn phần đất này của ông Đoàn. Ông Đoàn có làm đơn yêu cầu hoà giải tại xã Ba Trinh nhưng hoà giải không thành.

Nay ông Lê Văn Đoàn yêu cầu Toà án giải quyết các vấn đề sau: Buộc Lê Hoàng Em có trách nhiệm trả lại phần đất đã lấn chiếm của ông Lê Văn Đoàn có diện tích 1,188,3m^2 thuộc thửa đất số 507, tờ bản đồ số 01, loại đất 2L, đất toạ lạc tại: ấp 4, xã Ba Trinh, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/5/2025, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Hoàng Em trình bày ý kiến:

Nguồn gốc đất trước năm 1995, má tôi là bà Nguyễn Thị Sến có cho anh Hai tôi là ông Lê Văn Đoàn 02 công đất ruộng (đo bằng tầm 3 thước) để vợ chồng ông Đoàn ra ở riêng. Ông Đoàn có đào đất để lên một cái bờ cất chòi nuôi vịt, ở được một thời gian hai vợ chồng ông Đoàn nuôi vịt tàu thua lỗ nặng dẫn đến thiếu nợ rồi hai vợ chồng ông Đoàn li dị, lúc đó ông Đoàn có mượn của tôi và má tôi 3 lần hết 60 (sáu chục) giạ lúa = 1.200kg cho vịt ăn và 06 chỉ vàng 24k. Thời gian đó ông chưa lấy vợ, còn sống chung với má và em gái là Lê Thị Là (bị khuyết tật), tôi là lao động chính trong gia đình. Ông Đoàn thiếu nợ rất nhiều nên ông nhờ má tôi đứng ra cố đất dùm phần đất má ông cho ông để ông trả nợ, người cố đất là vợ chồng ông Nguyễn Văn Sở, cư ngụ tại số nhà 190/4, ấp 12, xã Ba Trinh, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng bằng 04 chỉ vàng 24k vào ngày 04/01/1995. Đến năm 1996, ông Đoàn xuống Bạc Liêu cưới thêm vợ sau là chị dâu tôi, bây giờ ông bỏ lại 3 đứa con cho tôi và má chăm sóc, được một thời gian má tôi kêu ông xuống Bạc Liêu đòi ông Đoàn trả lại số vàng ông đã mượn tôi lúc trước nhưng ông không trả. Đến khi ông Đoàn về thăm má ông thì ông nói ông dẫn 3 đứa con về Bạc Liêu ở luôn, phần đất má ông đang đứng tên cố dùm cho ông Đoàn (kể đoạn trên) ông Đoàn có ra điều kiện: Ông chuộc thì ông giao hết lại cho ông, sau này ông Đoàn không còn liên quan gì nữa, ông được toàn quyền sử dụng nhưng phải trừ hết số nợ ông đã thiếu tôi và má ông 06 chỉ vàng 24k và 1.200kg lúa (một ngàn hai trăm kg lúa) đồng thời phải trả luôn phần nợ ông Đoàn còn thiếu ông Trần Văn Út cư ngụ tại ấp 4, xã Ba Trinh, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng là 01 chỉ vàng 24k. Ông và má ông đồng ý với điều kiện của ông Đoàn, kể từ đó, ông Đoàn không còn liên quan gì đến phần đất mà má ông cho ông, vì ông và má ông đã chuộc lại phần đất đó, đồng thời trả nợ cho ông Út Tư, ông Út Tư có bắt của

ông 2 con heo để trừ cho ông Đoàn. Làm lúa được mấy vụ, lúa bị chuột cắn phá thất mùa nên ông mới đào mương lên líp trồng cây ăn trái để nuôi má và em gái. Đến khi ông cưới vợ và được má ông cho lại phần đất chuộc kể trên có diện tích là 1.189m² đất để vợ chồng ông ra ở riêng, phần còn 1.331,7m² má ông canh tác. Còn Lê Hùng Minh (em trai ông) cưới vợ năm 1990 và cắt hộ khẩu chuyển về bên vợ ở rễ đã không còn liên quan gì đến chuyện gia đình, cho đến tháng 8/2016 má ông qua đời, đến năm 2017, ông Minh ly hôn vợ, các anh, chị thống nhất cho Minh về sống cùng em gái (Lê Thị Là) canh tác phần đất của má để lại, để nuôi và chăm sóc cho em gái suốt đời.

Đối với yêu cầu của ông Đoàn thì ông không đồng ý, vì nguồn gốc đất này là của mẹ ông lúc còn sống cầm cố trả nợ cho ông Đoàn, rồi mẹ ông chuộc lại và cho ông quản lý sử dụng từ năm 1996 và đã xây nhà ổn định từ năm 2020 cho đến nay.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà phạm Thị Tư, bà Lê Hoàng Diễm Trinh, ông Lê Hoàng Khởi Nguyên, trình bày ý kiến: Đều thống nhất theo lời trình bày của ông Lê Hoàng Em, nên không có trình bày ý kiến gì thêm.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hùng Minh trình bày kiến:

Nguồn gốc đất là của cha mẹ ông là ông Lê Văn Dân (chết năm 2075), mẹ là bà Nguyễn Thị Sến (chết năm 2016) quản lý sử dụng, khi mẹ ông còn sống có cho anh hai ông là ông Lê Văn Đoàn 02 công ruộng diện tích 2.520m^2 ông Đoàn đứng tên tại thửa 507, tờ bản đồ số 01. Sau đó, ông Đoàn có chuyển nhượng lại cho ông phần đất diện tích 1.331,7m^2, còn lại 1.188,3m^2 của thửa đất 507, tờ bản đồ số 01 vẫn thuộc quyền ông Đoàn sử dụng. Ông đồng ý với yêu cầu của ông Đoàn.

Tại phiên tòa, Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Kết trình bày kiến:

Trước đây, khi mẹ ông còn sống, thì ông Đoàn và ông Em còn sống chung cha mẹ, mẹ ông có cho ông Đoàn phần đất bao nhiêu công ông không nhớ, không có giấy tờ gì, ông Đoàn không có canh tác và sử dụng trên phần đất này mà ông Đoàn về Bạc Liêu sinh sống cho đến nay, hiện nay gia đình ông Hoàng Em đang ở và quản lý sử dụng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/5/2026 và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Nga trình bày kiến:

Trước đây, khi mẹ bà còn sống thì có cho ông Đoàn phần đất bao nhiêu công ông không nhớ, cũng không có giấy tờ gì chứng minh, ông Đoàn không có canh tác và sử dụng mà ông Đoàn về Bạc Liêu sinh sống cho đến nay, nay ông Đoàn yêu cầu em bà là Lê Hoàng Em trả lại phần đất đang tranh chấp, nhưng hiện nay gia đình em bà là ông Em quản lý sử dụng từ năm 1996 và cất nhà kiên cố từ năm 2020, mong quý tòa xem xét ổn định cho em bà là ông Em.

- Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10-Cần Thơ phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng

cứ. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Đoàn, về việc yêu cầu: buộc bị đơn ông Lê Hoàng Em trả lại 1.188.3m^2 thuộc thửa đất số 507, tờ bản đồ số 01, loại đất 2L, đất toạ lạc tại: ấp 4, xã Ba Trinh, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (đã đo đạt thực tế 1.206,1m2). Đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và yêu cầu của đương sự:

[1] Nguyên đơn ông Lê Văn Đoàn yêu cầu buộc bị đơn ông Lê Hoàng Em trả lại cho tôi diện tích đất 1.188,3m2, thuộc thửa số 507, tờ bản đồ 01. Đất toạ lạc tại ấp 4, xã Ba Trinh, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp 4, xã Đại Hải, thành phố Cần Thơ). Đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là " *Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất* " là đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

[2] Nguồn gốc đất tranh chấp trước đây là của cha mẹ ông Lê Văn Đoàn. Vào năm 1995, khi ông Lê Văn Đoàn cư trú tại ấp 4, xã Ba Trinh, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp 4, xã Đại Hải, thành phố Cần Thơ), mẹ ông Đoàn có cho ông Đoàn 02 công đất vườn và đất nền nhà tại thửa đất số 507, tờ bản đồ số 01, loại đất 2L, đất toạ lạc tại: ấp 4, xã Ba Trinh, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp 4, xã Đại Hải, thành phố Cần Thơ). Đến năm 1996, ông Đoàn lấy vợ và chuyển về tỉnh Bạc Liêu sinh sống, sau đó ông Lê Hoàng Em có ở nhờ trên đất của ông Đoàn cho. Từ đó phát sinh tranh chấp.

[3] Tại công văn xác nhận ngày 05/9/2024, của Uỷ ban nhân dân xã Ba Trinh (nay là xã Đại Hải, thành phố Cần Thơ xác nhận như sau: Thửa đất số: 507, tờ bản đồ số: 01 ông Lê Hoàng Minh không đứng tên (trong dữ liệu tên Lê Văn Đoàn), chưa cấp gấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu.

[4] Trên cơ sở kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/6/2025, đo đạc hiện trạng một phần tại thửa số 507, tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp 4, xã Ba Trinh (nay là xã Đại Hải, thành phố Cần Thơ, có số đo và tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Văn Thó, có số đo 1,55m + 73,70m
- Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Thó, ông Lê Hoàng Minh, có số đo 3,56m + 22,95m+5,62m+20,49m+43,81m.
- Hướng Nam giáp phần đất còn lại của ông Lê Hoàng Em, có số đo 4,49m
- Hướng Bắc giáp đường đất, có số đo 33,33m
- Diện tích: 1.206,1m^2 .

* Trên phần đất tranh chấp có các cây trồng gồm: 02 cây sầu riêng 06 năm tuổi, 05 cây sầu riêng 04 năm tuổi, 45 cây sầu riêng 02 năm tuổi, 05 cây sầu riêng

mới trồng, 11 cây vú sửa 10 năm tuổi, 01 cây cóc 05 năm tuổi, 01 cây mít tố nữ 10 năm tuổi, 01 cây dừa 03 năm tuổi, 12 cây dừa 30 năm tuổi.

- Trên phần đất có căn nhà của ông Lê Hoàng Em và bà Phạm Thị Tư đang quản lý sử dụng, diện tích : 135,6m^2, có kết cấu mái tol, cột đà bê tông cốt thép, vách tường 10, chân tường ốp gạch men, nền gạch men, cửa nhom, trần nhựa, giá trị sử dụng còn 90%.

Nhà phụ : Diện tích 36,9m^2, kết cấu : Tường óp gạch Men, vách tol, cột gỗ, nền gạch tàu+Xi măng, giá trị sử dụng cong 75%.

Nhà vệ sinh : Diện tích 3.8m^2, kết cấu : Tường óp gạch men, mái tol, xí bệt, neeng gạch men, giá trị sử dụng còn 90%.

Mái che bên hông : Diện tích 29,2m^2, kết cấu mái tol, nền xi măng, giá trị sử dụng còn lại 90%.

Mái che sau : Diện tích 36,9m^2, kết cấu : Mái tol, cột gỗ, nền gạch tàu, giá trị sử dụng còn lại 60%.

Sàn nước : Diện tích 131m^2, kết cấu : Sân láng xi măng lót bê tông đá 4x6, giá trị sử dụng còn lại 90%.

[5] Xét thấy, theo đơn khởi kiện của nguyên đơn trình bày, Vào năm 1995, khi má ông Đoàn có cho ông Đoàn 02 công đất vườn và đất nền nhà tại thửa đất số 507, tờ bản đồ số 01, loại đất 2L, đất toạ lạc tại: ấp 4, xã Ba Trinh, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp 4, xã Đại Hải, thành phố Cần Thơ). Thì thấy rằng: Nguồn gốc thửa đất số 507, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp 4, xã Ba Trinh, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, theo lời trình bày của nguyên đơn là do cha mẹ ông Lê Văn Đoàn cho; theo lời trình bày của bị đơn là do bà Nguyễn Thị Sến quản lý, sử dụng từ trước năm 1995. Tuy nhiên, qua xác nhận của địa chính xã Ba Trinh thể hiện: ông Lê Hoàng Minh không đứng tên (trong dữ liệu tên Lê Văn Đoàn) trên thửa đất số 507 có diện tích 2.520m², loại đất 2L, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu. Tại đơn khởi kiện, ông Lê Văn Đoàn xác định từ năm 1996 ông Lê Hoàng Em đã sử dụng phần đất tranh chấp cho đến nay. Như vậy, có cơ sở xác định nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã quản lý, sử dụng đất trong thời gian dài, liên tục và trồng cây ăn trái trên đất.

[6] Theo nội dung giấy xác nhận có người làm chứng ký tên thể hiện: Năm 1998, vợ chồng ông Lê Hoàng Em được bà Nguyễn Thị Sến cho ra ở riêng trên phần đất có diện tích khoảng 1.189m², là phần đất đã được chuộc lại từ vợ chồng ông Nguyễn Văn Sở. Từ thời điểm này, ông Em và gia đình trực tiếp quản lý, sử dụng đất. Trong quá trình sử dụng, ông Em đã bỏ công sức cải tạo đất, trồng cây lâu năm và sử dụng ổn định trong thời gian dài, liên tục, công khai. Đặc biệt, năm 2020, ông Em xây dựng nhà ở kiên cố trên đất, thể hiện việc sử dụng đất ổn định, lâu dài.

[7] Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đương sự có nghĩa vụ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp. Tuy nhiên, ông Lê Văn Đoàn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền sử dụng hợp pháp đối với phần đất tranh chấp. Có cơ sở xác định ông Lê Hoàng Em là người trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp từ năm 1998 đến nay, việc sử dụng đất diễn ra liên tục, công khai và có đầu tư cải tạo, xây dựng nhà ở kiên cố, trồng cây lâu năm. Đồng thời, trong suốt thời gian dài, ông Lê Văn Đoàn biết việc

ông Em sử dụng đất nhưng không có ai tranh chấp, ngăn cản hoặc thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định pháp luật.

[8] Như vậy, có cơ sở xác định ông Lê Văn Đoàn không chứng minh được quyền sử dụng hợp pháp đối với phần đất tranh chấp; trong khi ông Lê Hoàng Em là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất ổn định trong thời gian dài. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Đoàn về việc đòi lại quyền sử dụng đất là không có căn cứ để chấp nhận.

[9] Tại phiên tòa, bị đơn cho rằng, được mẹ cho đất để ra ở riêng và đã quản lý, sử dụng ổn định, nhưng bị đơn cũng không xuất trình được tài liệu chứng minh việc được tặng cho quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong vụ án này ông Lê Hoàng Em không có yêu cầu phản tố đề nghị công nhận quyền sử dụng đất, do đó không đặt xem xét.

[10] Từ những phân tích nêu trên nhận thấy, lời đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10-Cần Thơ nêu trên là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận, nên bị đơn không phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn ông Lê Văn Đoàn là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên không phải nộp án phí và chịu án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 11.950.000 đồng theo phiếu thu số T103 ngày 03/6/2025 và phiếu thu số T117 ngày 26/6/2025 của Tòa án và đã chi phí cho việc này là 11.950.000 đồng. Do đó, nguyên đơn phải chịu số tiền chi phí này.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 9, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 ; khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013 ; khoản 1 Điều 236 Luật đất đai năm 2024,

Căn cứ điểm đ khoản 1, Điều 12 ; Điều 26, điểm a khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Đoàn, về việc yêu cầu bị đơn ông Lê Hoàng Em trả lại diện tích 1,188,3m^2, thửa đất 507, tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp 4, xã Ba Trinh, nay là xã Đại Hải, thành phố Cần Thơ.

3. Về chi phí tố tụng: Số tiền 11.950.000 đồng, do số tiền này ông Đoàn đã nộp tạm ứng trước để thực hiện việc thẩm định, định giá tài sản và đã chi phí xong, nên ông Đoàn phải chịu 11.950.000 đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Văn Đoàn không được chấp nhận, nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải nộp án phí và chịu án phí dân sự sơ thẩm điểm đ khoản 1, Điều 12 ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết, để Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 7a, Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ;
- Viện Kiểm nhân dân khu vực 10-Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nhẫn